

Đánh giá tác động giữa vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam

Phạm Thị Hoàng Anh

Học viện Ngân hàng - anhpham1076_bham@yahoo.com

Lê Hà Thu

Học viện Ngân hàng - lehathu2011@gmail.com

Ngày nhận: 01/08/2013
Ngày nhận lại: 11/09/2013
Ngày duyệt đăng: 05/03/2014
Mã số: 07-13-DE-17

Tóm tắt

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là nguồn vốn quan trọng bổ sung vào tổng nguồn vốn đầu tư phục vụ tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia. Từ khi Luật Đầu tư nước ngoài được thông qua năm 1987, VN đã thu hút được một lượng FDI khá lớn, và luồng vốn này đã có những đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế. Bài nghiên cứu sử dụng mô hình VAR để phân tích mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế tại VN. Kết quả cho thấy FDI có tác động rất tích cực đến tăng trưởng kinh tế tại VN như: Kích thích xuất khẩu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công nghệ; và là những tiền đề quan trọng cho sự tăng trưởng của kinh tế VN.

Abstract

Foreign direct investment (FDI) is an important source of capital added to the gross investment in many countries, including Vietnam. After the 1987 Foreign Investment Law, Vietnam has attracted a huge FDI inflow that contributed considerably to the economic growth. The research employs VAR model to analyze the relationship between FDI and economic growth in Vietnam. The results show that FDI has positive effects on Vietnam's economic growth and vice versa. The research also proves that FDI stimulates export, enhances quality of human resources and technology, which serve as important preconditions for Vietnam's economic growth.

Từ khóa:

FDI, tăng trưởng kinh tế, mô hình VAR, Việt Nam

Keywords:

FDI, economic growth, VAR model, Vietnam.

1. LỜI MỞ ĐẦU

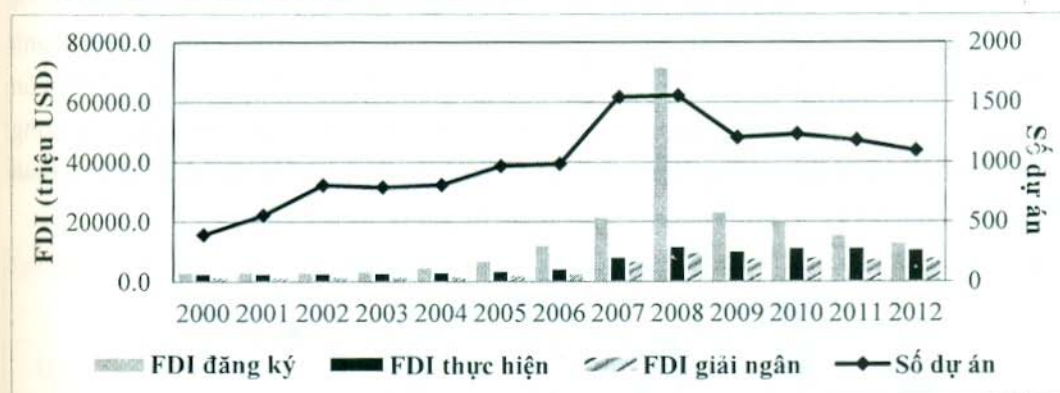
FDI là nguồn vốn có vai trò quan trọng trong sự tăng trưởng kinh tế các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. VN không nằm ngoài xu thế đó khi lượng vốn FDI chảy vào có xu hướng tăng qua các năm và được chứng minh có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Với dấu mốc quan trọng là sự ra đời của Luật Đầu tư nước ngoài (1987), VN đã bắt đầu quá trình mở cửa hội nhập, và tiếp nhận dòng vốn FDI như một yếu tố bổ sung cho sự thiếu hụt vốn đầu tư trong nước. Kể từ đó, dòng vốn FDI vào VN tăng lên đáng kể cả về chất và lượng. Có nhiều quan điểm cho rằng FDI đã có những tác động tích cực đối với nền kinh tế VN như tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đẩy mạnh xuất khẩu, góp phần cải thiện cán cân thanh toán quốc tế v.v.. Tuy nhiên, cũng không ít ý kiến trái chiều nhận xét đầu tư FDI quá nhiều sẽ dẫn đến tình trạng “bong bóng” ở một số ngành, như bất động sản (BDS), hay thị trường chứng khoán (TTCK) của VN trong thời gian qua, gây hại cho nền kinh tế nước nhà. Mặt khác, đề cập đến câu hỏi “Liệu tăng trưởng kinh tế có phải là một trong những nhân tố thu hút FDI vào VN?” cũng xuất hiện nhiều luồng ý kiến. Về mặt lí thuyết, kinh tế tăng trưởng đồng nghĩa với mang lại nhiều lợi nhuận cho các nhà đầu tư nên sẽ thu hút FDI; nhưng liệu thực tế VN có đúng như vậy? Có thể thấy, mối quan hệ hai chiều giữa tăng trưởng kinh tế và FDI không chỉ được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu, mà còn được các nhà hoạch định chính sách chú ý, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển như VN.

Hiện có rất nhiều nghiên cứu về FDI tại VN. Nguyễn Như Bình & Johnathan Haughton (2002), S. Parker, Phan Vinh Quang & Nguyễn Ngọc Anh (2005) làm rõ Hiệp định thương mại song phương giữa VN và Mỹ (2001) giúp thu hút FDI vào VN. Nguyễn & K. Meyer (2005) chỉ ra yếu tố pháp lí có tác động đáng kể đến quyết định đầu tư FDI vào nước ta. Năm 2006, Nguyễn Phi Lân bằng việc sử dụng mô hình GMM kết luận mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế VN là tích cực. Ngoài ra, Trần Quang Tiến (2009) chỉ ra FDI làm nâng cao cơ sở hạ tầng của nước ta, và ngược lại. Nhìn chung, các nghiên cứu đều chỉ ra tính tích cực của mối quan hệ giữa FDI và các yếu tố tăng trưởng kinh tế tại VN, nhưng phương pháp và nội dung của các nghiên cứu vẫn chưa đánh giá được toàn diện mối quan hệ này. Chính vì vậy nghiên cứu nhằm các mục tiêu chính sau đây: Thứ nhất, làm rõ tác động quan lại giữa tăng trưởng kinh tế và FDI tại VN thông qua việc sử dụng mô hình VAR (Vectơ Autoregressive – Mô hình vectơ tự hồi quy). Thứ hai, trên cơ sở các kết quả thu được từ mô hình thực nghiệm, nhóm tác giả đề xuất

những giải pháp quan trọng giúp cải thiện và đẩy mạnh tác động giữa FDI và tăng trưởng kinh tế tại VN.

2. DIỄN BIẾN VỀ LUỒNG VỐN FDI TẠI VN

VN là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, do đó trong những năm qua đã thu hút được một lượng không nhỏ vốn FDI.

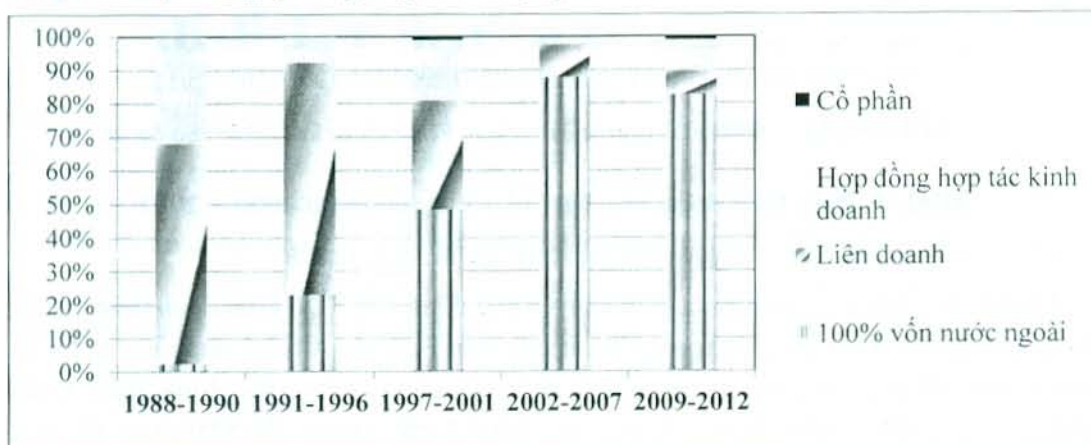


Hình 1. Diễn biến dòng vốn FDI vào VN giai đoạn 2000 – 2012

Nguồn: Ngân hàng Nhà Nước, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Hình 1 cho thấy rõ 2 xu hướng biến chuyển của dòng vốn FDI. Giai đoạn tăng trưởng là từ năm 2000-2008, mặc dù trước đây, lượng vốn FDI vào VN có phần suy giảm do môi trường đầu tư chưa thuận lợi, và diễn biến của khủng hoảng tài chính châu Á vào những năm 1997 - 1999. Trong những năm 2003-2008, lượng vốn FDI chảy vào VN tăng trưởng mạnh với giá trị FDI thực hiện tăng từ 2.650 lên 11.500 triệu USD, và FDI giải ngân tăng từ 1.450 triệu USD lên 9.579 triệu USD. Vì đây là giai đoạn kinh tế VN có những bước tăng trưởng vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP liên tục đạt trên 8%/năm trong các năm 2005, 2006 và 2007. Và cùng với sự kiện VN gia nhập WTO (2007), các nhà đầu tư FDI càng tin tưởng hơn vào sự tăng trưởng của kinh tế nước ta. Giai đoạn 2008-2012, dòng vốn FDI giảm dần. Số dự án và FDI đăng ký sụt giảm mạnh, còn giá trị FDI thực hiện và giải ngân giảm ít hơn, lần lượt từ 9.579 và 10.500 triệu USD xuống còn 7.783 và 10.460 triệu USD. Có thể thấy mặc dù là giai đoạn kinh tế thế giới gặp khó khăn, khủng hoảng tài chính thế giới 2008-2009, khủng hoảng nợ công châu Âu, nhưng lượng vốn FDI vào VN vẫn khá ổn định, phần nào cho thấy tính chất an toàn và dài hạn của FDI, càng thể hiện FDI có ý nghĩa quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của các quốc gia, mà VN cũng không phải ngoại lệ.

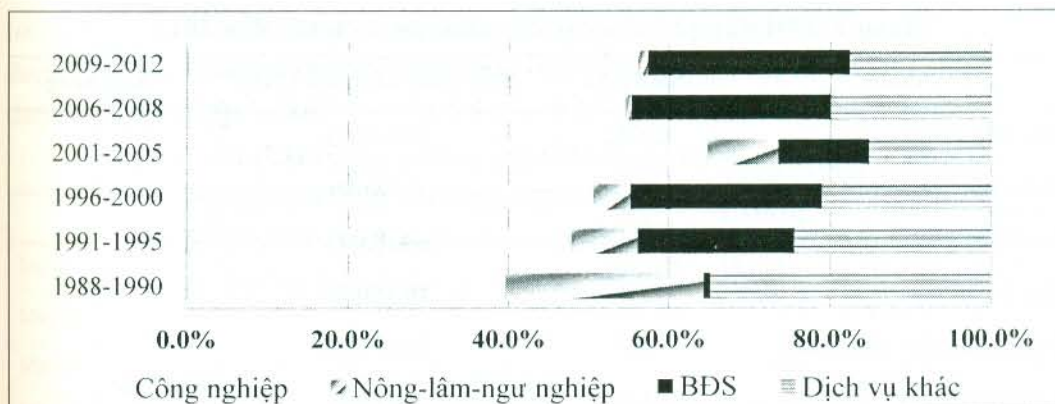
Hình thức đầu tư FDI: Hiện phổ biến là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài do đây là hình thức mang lại quyền quản lý cũng như tỉ lệ phân chia lợi nhuận tối đa cho nhà đầu tư FDI. Thêm vào đó, khi các MNEs đã có những hiểu biết nhất định về thị trường VN thì lợi thế của hình thức doanh nghiệp liên doanh, hình thức đầu tư FDI chủ đạo tại VN trong giai đoạn 1988–1996 sẽ bị mất đi. Và với sự mở rộng về hành lang pháp lý của VN với mọi loại hình đầu tư FDI, sự đi lên về tỉ trọng của hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là tất yếu. Cùng với đó, hình thức đầu tư qua doanh nghiệp liên doanh dần trở nên kém hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài. Hai hình thức đầu tư FDI còn lại là hợp đồng hợp tác kinh doanh, và cổ phần có sự đóng góp nhỏ hơn. Đặc biệt, cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán VN kể từ khi nước ta gia nhập WTO, hình thức vốn cổ phần ngày càng được ưa chuộng.



Hình 2. Tỉ trọng các hình thức đầu tư FDI vào VN

Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư và tính toán của nhóm tác giả

Lĩnh vực thu hút FDI: Nhiều nhất là công nghiệp và dịch vụ, trong đó loại hình dịch vụ được rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, đó là bất động sản. Điều này đã tạo nên tình trạng “bong bóng” trên thị trường bất động sản trong thời gian vừa qua, phần nào ảnh hưởng xấu đến tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế VN.



Hình 3. Tỷ trọng FDI theo lĩnh vực đầu tư tại VN

Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư, và tính toán của nhóm tác giả

Bảng 1. 10 quốc gia đầu tư FDI nhiều nhất vào VN, tích lũy đến 2012

Quốc gia/Vùng lãnh thổ	Số dự án	FDI đăng kí (triệu USD)	Xếp hạng
Nhật	1.827	29.145,57	1
Đài Loan	2.268	26.428,45	2
Hàn Quốc	3.186	24.794,54	3
Singapore	1.099	24.670,59	4
British Virgin Islands	522	16.031,96	5
Hồng Kông	700	11.995,71	6
Malaysia	433	11.367,79	7
Mỹ	639	10.467,82	8
Cayman Islands	54	7.505,99	9
Thái Lan	298	6.006,44	10

Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Bảng 2. FDI đăng kí vào các địa phương, tích lũy đến 2012

Vùng	Số dự án	FDI đăng kí (triệu USD)	Xếp hạng
ĐB sông Hồng	3.952	48.143,71	2
Đông Bắc	432	7.725,86	6
Tây Bắc	44	438,04	9
Bắc Trung Bộ	210	19.180,70	4
Duyên hải Nam Trung Bộ	525	20.635,18	3
Tây Nguyên	139	821,53	8
Đông Nam Bộ	8.380	103.101,26	1
ĐB sông Cửu Long	759	10.951,37	5
Dầu khí	48	2.653,69	7

Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư

Các đối tác đầu tư FDI: Chủ yếu vẫn là những nước đã có quan hệ ngoại giao lâu dài với nước ta như: Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, các nước thuộc khối ASEAN như Singapore, Malaysia v.v.. Ngoài ra, địa phương thu hút FDI nhiều nhất vẫn là những vùng đồng bằng có vị trí địa lí thuận lợi, dân cư đông đúc, và trình độ nhân lực cao như Đông Nam Bộ, và Đồng bằng sông Hồng (Bảng 2).

3. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG GIỮA FDI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TẠI VN

3.1. Mô tả mô hình

Để đánh giá tác động giữa FDI và tăng trưởng kinh tế, nhóm tác giả lựa chọn mô hình VAR, đây là mô hình được đề xuất trong các nghiên cứu của Jordan Shan (2002), và Haitao Sun (2011). Các nhân tố và giá trị được lựa chọn vào mô hình VAR như sau: (i) GDP - Tổng sản phẩm quốc nội theo giá so sánh năm 1994 (tỉ đồng); (ii) FDI - Giá trị FDI giải ngân (triệu USD); (iii) CAPITAL - Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (tỉ đồng); (iv) EX - Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (triệu USD); (v) LABOR - Số người thuộc lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (nghìn người); (vi) EDU - Số sinh viên đại học, cao đẳng (nghìn sinh viên); và (vii) TECH - Tỉ lệ người dùng Internet (%).

Các chuỗi số liệu được thu thập theo quý từ Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước, Trung tâm Internet VN thuộc Bộ Thông tin & Truyền thông trong giai đoạn từ Quý I/2004 đến Quý III/2012, sau đó được hiệu chỉnh theo mùa (trừ số liệu FDI, để đảm

bảo toàn mẫu kiểm định tính dừng - Unit Root Test) bằng phương pháp census X_{12} , và được logarit hóa theo cơ sở tự nhiên. Tổng cộng có 35 quan sát và tóm tắt chuỗi số liệu được thể hiện tại Bảng 3.

Bảng 3. Tóm tắt thống kê của các biến được sử dụng trong mô hình

	GDP	FDI	CAPITAL	EX	LABOR	EDU	TECH
Mean	120.295,5	1.467,800	148,6229	14.849,71	48,12417	1.814,949	0,226649
Median	115.706,0	1.723,000	138,0000	13.717,00	47,16030	1.719,500	0,236100
Maximum	178.188,0	2.864,000	276,9000	30.217,00	55,00000	2.478,000	0,354900
Minimum	71.080,00	247,0000	58,45000	5.520,000	43,00890	1.319,800	0,076900
Std. Dev.	26.727,80	799,5958	66,86573	6.828,145	3,327926	364,4153	0,087665
Observations	35	35	35	35	35	35	35

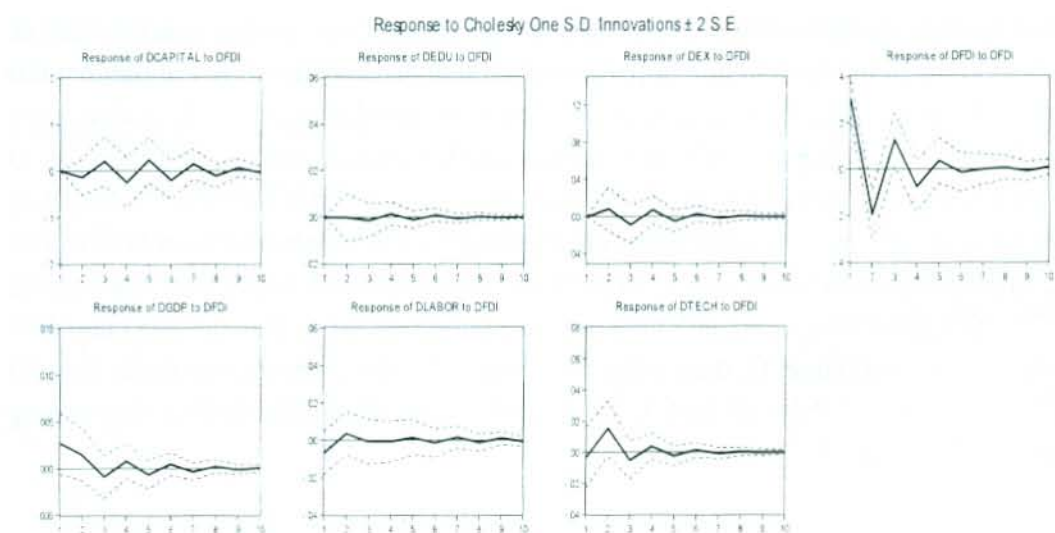
Trước khi đưa các biến vào mô hình, tác giả tiến hành kiểm định nghiệm đơn vị (Unit Root Test) của các chuỗi số liệu bằng tiêu chuẩn ADF. Kết quả kiểm định tính dừng cho thấy các biến số đều dừng ở sai phân bậc 1. Theo tiêu chuẩn kiểm định LR, độ trễ phù hợp của mô hình là 1 quý.

Sau khi ước lượng mô hình VAR, chúng ta cần xem xét tính ổn định của mô hình để có cơ sở kết luận mô hình là phù hợp. Kiểm định tính ổn định cho thấy các nghiệm của đa thức đặc trưng (Roots of Characteristic Polynominal) đều nhỏ hơn 1 và nằm trong vòng tròn đơn vị. Đồng thời, kết quả của kiểm định Portmanteau dựa trên thống kê Q cho thấy với các bước trễ khác nhau, giá trị p của thống kê Q đều lớn hơn 5%, tức chấp nhận giả thuyết H_0 - Không có tự tương quan phần dư, và mô hình được xem là thỏa mãn điều kiện không có tự tương quan của phần dư. Kiểm định tính thuần nhất của phương sai được tiến hành bằng kiểm định tổng quát về phương sai số thay đổi của kiểm định White cho thấy giả thuyết H_0 được chấp nhận, hay mô hình có phương sai thuần nhất.[1] Các kết quả trên cho thấy mô hình VAR để đánh giá tác động giữa FDI và tăng trưởng kinh tế tại VN là phù hợp và ổn định.

3.2. Phân tích tác động của FDI đến các biến số kinh tế vĩ mô

Bảng 4. Phân rã phương sai

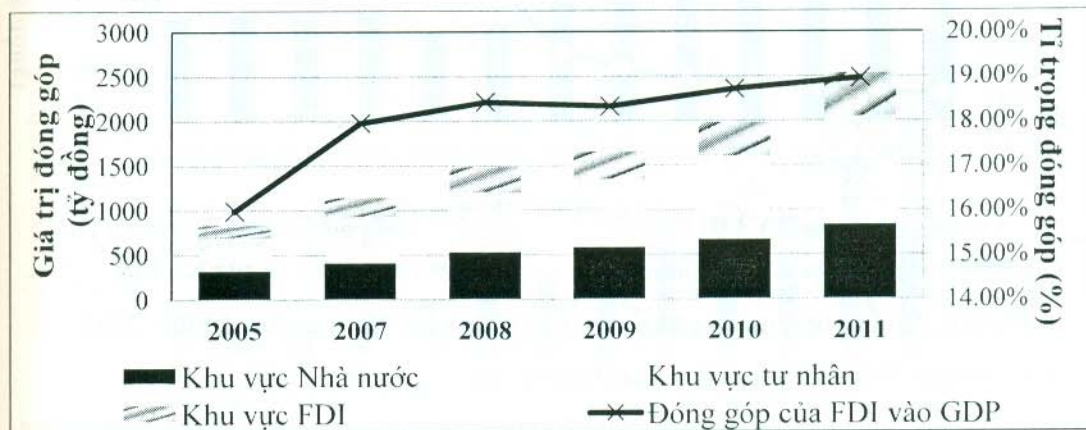
Period	DGDP	DCAPITAL	DEX	DLABOR	DEDU	DTECH	DFDI
1	7,726025	0,000000	0,000000	3,998771	0,000000	0,283230	87,16454
2	8,149404	0,591100	0,857457	3,767603	0,000888	5,479267	84,29872
3	8,498843	1,696841	1,856862	3,432814	0,144744	5,961336	82,39116
4	8,910691	3,165529	2,486634	3,315384	0,309440	6,244780	80,16776
5	9,195931	4,440231	2,783759	3,359924	0,411738	6,351886	78,39173
6	9,362152	5,308888	2,896991	3,469061	0,466241	6,390293	77,23597
7	9,441188	5,803644	2,931397	3,575505	0,491545	6,400024	76,59398
8	9,471869	6,044577	2,938384	3,652302	0,501781	6,400893	76,28484
9	9,480852	6,144340	2,938529	3,698203	0,505262	6,400241	76,15648
10	9,482184	6,178079	2,938188	3,721771	0,506177	6,399968	76,11191



Hình 4. Phản ứng của các biến trước FDI

3.2.1. Tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế VN

Kết quả mô hình cho thấy FDI có tác động tích cực, trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế của VN trong giai đoạn nghiên cứu. Kết quả này nhất quán với lý thuyết về quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế cũng như các bằng chứng thực nghiệm của Nguyễn Như Bình & Johnathan Haughton (2002), S. Parker, Phan Vinh Quang & Nguyễn Ngọc Anh (2005), Nguyễn Phi Lân (2006).



Hình 5. Đóng góp của các khu vực kinh tế vào GDP VN năm 2005 – 2011^[2]

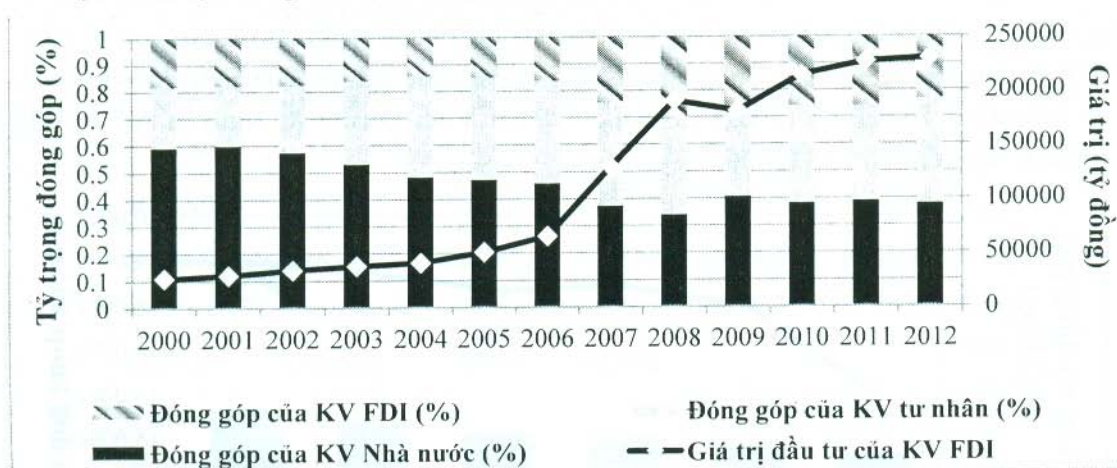
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 5 cho thấy cả giá trị và tỉ trọng đóng góp của khu vực FDI vào GDP VN đều tăng qua các năm. Tỉ trọng tăng mạnh trong giai đoạn 2005–2008, từ 15,99% lên 18,43%, với tốc độ tăng trung bình là 0,813%/năm, do nước ta thời kì này đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, và bắt đầu gia nhập WTO. Tuy nhiên bước sang năm 2009, kinh tế VN chịu ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, nên hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế giảm sút, tỉ trọng đóng góp của khu vực FDI vào GDP giảm. Giai đoạn tiếp theo, 2010–2011, cùng với đà phục hồi của kinh tế, tỉ trọng đóng góp của khu vực FDI tăng trở lại, nhưng tốc độ tăng không cao. Hiện tượng này là do trong giai đoạn này, mặc dù GDP tăng trưởng, nhưng kinh tế nước ta lại phải đối mặt với những bất ổn vĩ mô như lạm phát, nợ xấu khiến cho hoạt động sản xuất của các khu vực bị cầm chừng, nên đóng góp của khu vực FDI vào GDP tăng chậm.

3.2.2. Tác động của FDI đến tổng vốn đầu tư

Kết quả mô hình cho thấy FDI có tác động tích cực đến CAPITAL với độ trễ khoảng 2 - 3 quý. Thật vậy, FDI không chỉ trực tiếp làm tăng tổng vốn đầu tư, mà còn kích thích

khu vực trong nước đóng góp nhiều hơn cho nguồn vốn chung. Kết luận này giống với kết luận thu được từ nghiên cứu của Mitra (2007), Takagi & Phạm (2011).



Hình 6. Đóng góp của các khu vực vào tổng vốn đầu tư năm 2000 – 2012

Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của nhóm tác giả

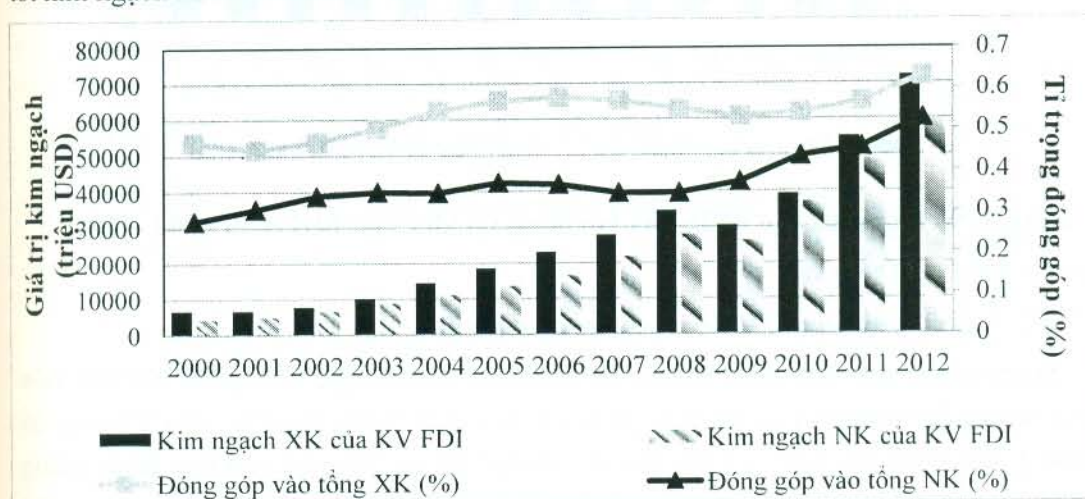
Giá trị đóng góp của FDI vào tổng vốn đầu tư tăng qua từng năm, từ 22 nghìn tỉ đồng năm 1995 đến 230 nghìn tỉ đồng năm 2012, tăng hơn 10 lần. Điều này đã thúc đẩy 2 khu vực kinh tế còn lại, đặc biệt là khu vực tư nhân tăng tỉ trọng đóng góp vào nguồn vốn chung. Có thể thấy dòng vốn FDI vào nước ta không chỉ có ý nghĩa bổ sung tổng vốn, mà còn giúp định hướng lĩnh vực đầu tư cho VN. Với ý nghĩa đó, sự tăng lên của FDI vào ngành nào sẽ có tác động thúc đẩy đầu tư trong nước vào các ngành đó. Chính vì vậy, FDI không chỉ bổ sung trực tiếp, mà còn làm tăng vốn đầu tư nội địa, từ đó càng thúc đẩy tổng vốn phục vụ tăng trưởng kinh tế VN tăng lên.

3.2.3. Tác động của FDI đến xuất khẩu

Khu vực FDI trong những năm qua đã có những đóng góp đáng kể vào hoạt động xuất khẩu của nước ta. Đồ thị hàm phản ứng cho thấy FDI có tác động tích cực đến kim ngạch xuất khẩu ngay lập tức, và đạt đỉnh sau 2 quý. Trên thực tế, từ năm 1995 đến 2012, tỉ trọng đóng góp của khu vực FDI vào tổng kim ngạch xuất khẩu luôn tăng, từ 27,03% với 1,473 tỉ USD lên 63,01% với 72,2 tỉ USD.

Mặc dù vậy, khu vực FDI cũng nhập khẩu rất lớn, chiếm tới hơn 50% tổng kim ngạch nhập khẩu của VN và đang có xu hướng tăng nhanh hơn tỉ trọng xuất khẩu. Kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp FDI cao là do khu vực này thường xuyên nhập khẩu máy móc thiết bị có giá trị lớn vào VN để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thêm

vào đó, một lượng lớn nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp FDI cũng phải nhập khẩu do: (i) Nguyên liệu sản xuất trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu của khu vực nước ngoài; và (ii) Các doanh nghiệp FDI tại VN hoạt động theo dây chuyền sản xuất quốc tế, nên phải nhập khẩu các sản phẩm từ các công ty cùng dây chuyền. Điều này đã khiến cho phần giá trị tăng thêm mà các doanh nghiệp FDI tạo ra cho nền kinh tế chưa được như mong đợi, và phần nào làm lu mờ những tác động tích cực của khu vực FDI tới kim ngạch xuất khẩu của VN.

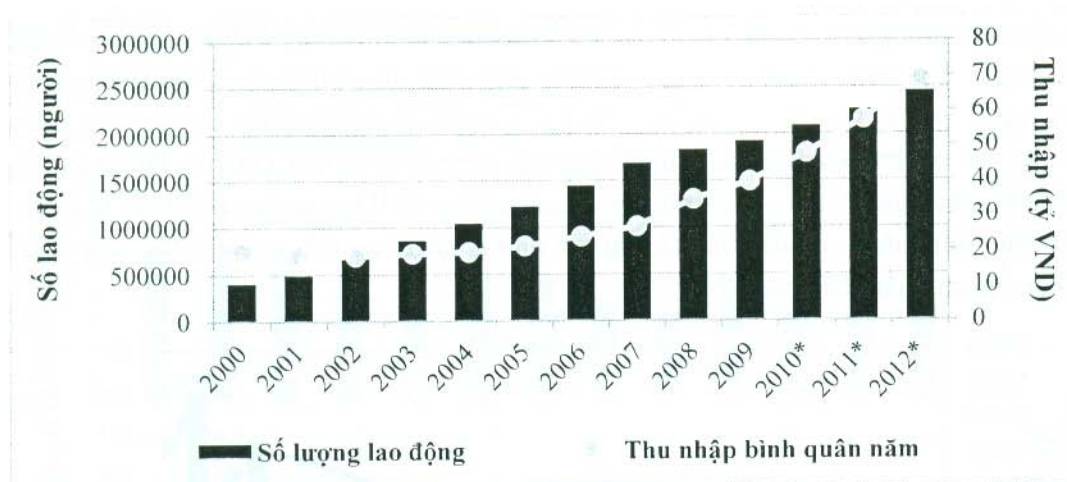


Hình 7. Kim ngạch xuất nhập khẩu và tỉ trọng đóng góp của khu vực FDI năm 2000-2012

Nguồn: Tổng cục Thống kê

3.2.4. Tác động của FDI đến lực lượng lao động

Đồ thị phản ứng cho thấy FDI tác động cùng chiều đến lực lượng lao động (LABOR) sau khoảng 2 quý. Ban đầu, phản ứng của LABOR trước FDI là ngược chiều, do khi đầu tư, việc xây dựng nhà xưởng của các doanh nghiệp FDI có thể lấy đi đất canh tác của người dân, ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm và lực lượng lao động nước ta. Tuy nhiên, khi chính thức tiến hành hoạt động đầu tư, nhu cầu tuyển dụng của khu vực FDI tăng lên đã thúc đẩy lực lượng lao động VN phát triển. Ngoài ra, FDI cũng có những đóng góp đáng kể làm cải thiện thu nhập của người lao động (Hình 8).



Hình 8. Số lượng và thu nhập của lao động tại khu vực FDI năm 2000 – 2012^[3]

Nguồn: Tổng cục Thống kê

3.2.5. Tác động của FDI đến chất lượng nhân lực

Đường phản ứng của EDU trước FDI dao động quanh mức 0 và phần lớn nằm trên trục hoành cho thấy FDI có tác động tích cực đến chất lượng nhân lực của VN mặc dù mức độ tác động là chưa cao. Do doanh nghiệp FDI tại VN chủ yếu tiến hành những công đoạn thâm dụng lao động như gia công, lắp ráp. Ngay cả những công ty công nghệ hàng đầu như Samsung, Intel có cơ sở sản xuất tại VN cũng chủ yếu sản xuất ra các linh kiện, làm sản phẩm đầu vào cho quá trình tạo thành phẩm tại một nước khác. Từ đó thấy được nhu cầu lao động chuyên môn của khu vực FDI đối với nước ta là không nhiều, làm giảm tác động tích cực của FDI đến chất lượng nhân lực VN. Bên cạnh đó, một số dự án của nhà đầu tư Trung Quốc, một trong những đối tác đầu tư FDI lớn của VN, thường đưa lao động từ Trung Quốc sang thay vì tuyển dụng lao động của nước ta. Hiện tượng này đã ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường lao động VN.

3.2.6. Tác động của FDI đến trình độ công nghệ

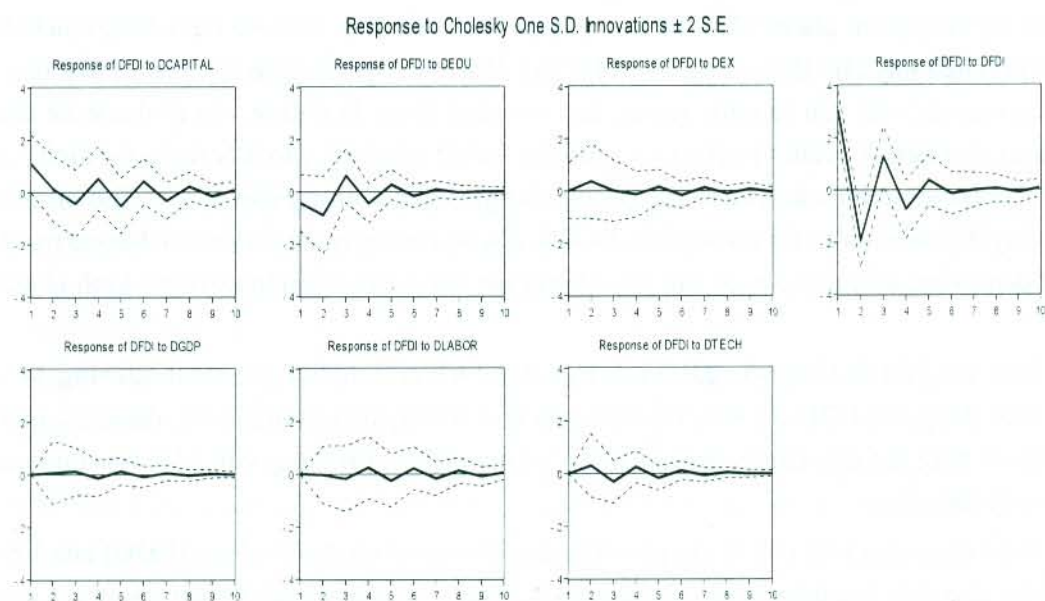
Đồ thị phản ứng thể hiện FDI có tác động mạnh nhất đến TECH sau khoảng 2 quý. Thực tế cho thấy số người sử dụng Internet đã tăng từ 2.334.634 người vào năm 2003 lên 31.304.211 người vào năm 2012[4]. Diễn biến tích cực này có thể giải thích theo một số hướng như sau:

Thứ nhất là do tác động lan toả của FDI tới tăng trưởng kinh tế, và từ tăng trưởng kinh tế tới trình độ công nghệ của người dân. Theo đó, tăng trưởng kinh tế cao sẽ giúp

gia tăng thu nhập, đời sống của người dân được nâng lên cả về số lượng và chất lượng. Nhờ đó, người dân có cơ hội và khả năng tiếp nhận, sử dụng công nghệ hiện đại.

Thứ hai, việc áp dụng công nghệ hiện đại trong dây chuyền của các doanh nghiệp FDI tại VN, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, như công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, tự động hóa v.v.. cũng làm phát huy hiệu ứng khuếch tán công nghệ và cải thiện trình độ công nghệ của VN. Mặc dù trên thực tế, các doanh nghiệp FDI tại VN chỉ lắp ráp là chủ yếu nhưng hiệu ứng lan toả tới trình độ công nghệ của lực lượng lao động nói riêng và người dân VN nói chung là khó có thể phủ nhận được.

3.3. Tác động của tăng trưởng kinh tế đến FDI



Hình 9. Phản ứng của FDI trước các biến

Bảng 5. Bảng phân rã các nhân tố tác động đến biến FDI trong mô hình VAR

Period	S.E.	DCAPITAL	DEDU	DEX	DFDI	DGDP	DLABOR	DTECH
1	0,327536	11,15681	1,674783	0,003863	87,16454	0,000000	0,000000	0,000000
2	0,394199	7,826026	6,317226	0,921129	84,29872	0,027321	0,003980	0,605598
3	0,422932	7,810952	7,642661	0,801275	82,39116	0,105798	0,176124	1,072031

4	0,436655	8,813647	8,177235	0,834357	80,16776	0,198701	0,479299	1,328996
5	0,443539	9,845761	8,323460	0,947029	78,39173	0,263663	0,783880	1,444477
6	0,447110	10,57590	8,322908	1,062273	77,23597	0,299447	1,018117	1,485383
7	0,448980	10,99322	8,286609	1,146857	76,59398	0,315835	1,169026	1,494477
8	0,449949	11,19351	8,255391	1,197631	76,28484	0,321959	1,253266	1,493399
9	0,450440	11,27357	8,237411	1,223591	76,15648	0,323647	1,294445	1,490855
10	0,450681	11,29847	8,229591	1,234960	76,11191	0,323842	1,311960	1,489260

Nguồn: Tổng cục Thống kê, và tính toán của nhóm tác giả

Trước hết, trong các biến, phản ứng của FDI trước bản thân FDI là lớn nhất. Nói cách khác, sự tăng giảm giá trị vốn FDI kì này giải thích đến 70 – 80% sự biến động của FDI kì sau. Điều này cho thấy dòng vốn FDI vào VN được quyết định bởi giá trị đầu tư kì trước của các nhà đầu tư nước ngoài, hay nói cách khác, là những yếu tố thuộc về nhà đầu tư như tâm lí, khẩu vị rủi ro v.v.. Do đó, luồng vốn FDI vào VN thiếu ổn định, và dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thị trường như giá cả, xu hướng đầu tư v.v.. Bất cứ một sự thay đổi nào của cả thị trường nội địa VN, lẫn thị trường quốc tế đều ảnh hưởng mạnh mẽ đến luồng vốn này, và có thể gây những tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế của VN.

Xếp sau FDI là tổng vốn đầu tư, biến CAPITAL có ý nghĩa giải thích khoảng 11% sự biến động của FDI vào VN. Dễ thấy, khi môi trường đầu tư thuận lợi, được thể hiện bằng sự tăng lên của cả nguồn vốn trong và ngoài VN, thì dòng vốn FDI vào nước ta cũng sẽ tăng lên.

Biến động của FDI còn bị chi phối khoảng 8% bởi trình độ lao động (EDU) của VN. Đồ thị cho thấy tác động của EDU đến FDI là tích cực với độ trễ khoảng 3 quý. Cùng với sự tăng dần của FDI vào các ngành công nghệ cao của VN, trình độ lao động càng có ý nghĩa quan trọng trong việc thu hút FDI vào nước ta.

Các biến còn lại bao gồm tăng trưởng kinh tế (GDP), lực lượng lao động (LABOR), xuất khẩu (EX) và trình độ công nghệ (TECH) có ý nghĩa giải thích không đáng kể đến luồng vốn vào FDI của nước ta, chỉ khoảng trên dưới 1%. Mặc dù thị trường công nghệ trong nước của VN khá phát triển nhưng chỉ là những sản phẩm tiêu dùng cuối cùng, còn thị trường các thiết bị đầu vào thì chưa sôi động. Ngay bản thân các mặt hàng tiêu dùng, VN cũng thường nhập khẩu về chứ chưa tự sản xuất được; điều đó phần nào cho

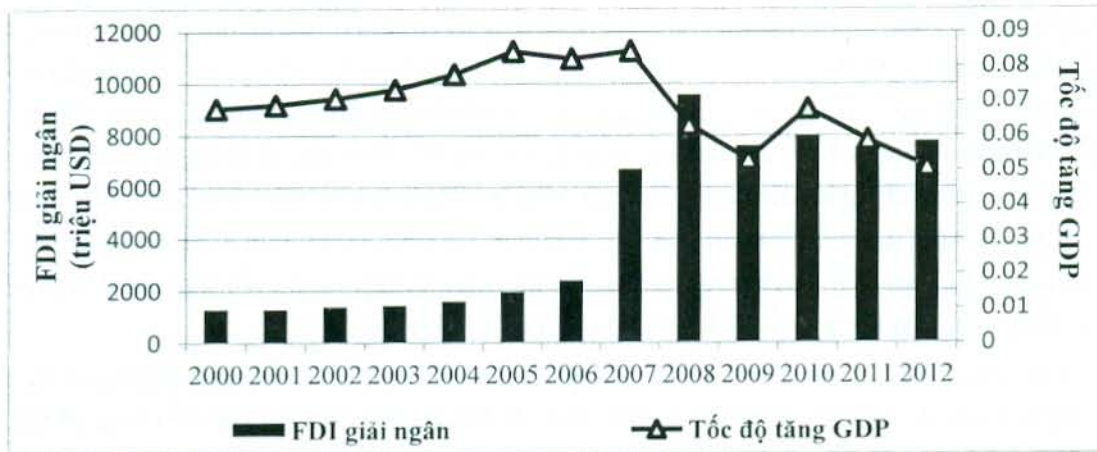
thấy trình độ công nghệ trong nước chưa được nâng cao nhiều, và tác động không đáng kể đến dòng vốn FDI. Tiếp theo, VN là nước có lực lượng lao động dồi dào do được thừa hưởng từ cơ cấu dân số trẻ, tuy nhiên với trình độ lao động chưa cao, nhìn chung lực lượng lao động VN có ảnh hưởng thấp đến vốn FDI. Một yếu tố khác là xuất khẩu; FDI có tác động đáng kể đến tổng kim ngạch xuất khẩu của VN, tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, hoạt động xuất khẩu của khu vực FDI lại chủ yếu là xuất sang cho công ty con khác sản xuất tiếp nên không có ý nghĩa mở rộng thị trường xuất khẩu cho VN, và tác động của hoạt động xuất khẩu nước ta đến FDI là không đáng kể.

Cuối cùng, tăng trưởng kinh tế tuy chỉ quyết định khoảng 1% thay đổi, nhưng có tác động tích cực đến dòng vốn FDI vào VN. Theo lý thuyết, tăng trưởng kinh tế có tác động tích cực tới khả năng thu hút FDI của VN thông qua làm tăng lợi nhuận dự tính của nhà đầu tư. Thực tế VN cho thấy phần lớn sự tăng lên của tốc độ tăng trưởng kinh tế đều làm tăng giá trị FDI giải ngân vào nước ta (Hình 10), tuy vậy vẫn có một vài trường hợp khác biệt, cụ thể:

Năm 2006, tốc độ tăng GDP giảm, FDI giải ngân vẫn tiếp tục tăng. Trước hết, tuy tốc độ tăng trưởng của VN giảm nhưng không đáng kể từ 8,44% năm 2005 xuống 8,22% năm 2006, chỉ giảm 0,22%, không thể hiện kinh tế VN đi xuống. Tiếp theo, dù tốc độ tăng trưởng của VN giảm nhưng vẫn ở mức cao trên thế giới, và VN vẫn là một điểm đến hấp dẫn của FDI.

Năm 2008, tăng trưởng kinh tế VN sụt giảm mạnh, nhưng FDI giải ngân vẫn tăng trưởng. 2008 là năm kinh tế thế giới chịu khủng hoảng, VN dù cũng bị tác động nhưng mức độ không nhiều vì chưa hội nhập sâu rộng với thế giới (mới gia nhập WTO đầu 2007), nên vẫn có tiềm lực thu hút FDI. Ngoài ra, FDI là đầu tư dài hạn, nên FDI giải ngân vẫn tăng trưởng bình thường.

Năm 2012, tốc độ tăng trưởng của VN giảm, do chịu ảnh hưởng của chính sách tiền tệ thắt chặt những năm trước đó (từ cuối 2010 và trong phần lớn 2011), nhưng điều này không phản ánh rằng năng lực sản xuất giảm, xuất khẩu của VN vẫn tăng trưởng tốt, nên FDI giải ngân trong năm 2012 vẫn tiếp tục tăng.



Hình 10. Diễn biến tăng trưởng GDP và FDI giải ngân tại VN từ 2000 – 2012

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước

Thông qua mô hình VAR, có thể thấy FDI và tăng trưởng kinh tế VN có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Theo đó, luồng vốn FDI tăng sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, và ngược lại tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố khiến cho các nhà đầu tư nước ngoài chuyển vốn vào VN dưới hình thức FDI. Tuy nhiên, luồng vốn FDI cũng gây ra một số tác động không hoàn toàn tích cực cho nền kinh tế, trong đó tiêu biểu có:

Thứ nhất, FDI chỉ tác động đến tăng trưởng kinh tế VN theo chiều rộng, chứ chưa thúc đẩy theo chiều sâu. Mô hình tăng trưởng hiện nay của nước ta là dựa chủ yếu vào lao động và vốn nên FDI đã và đang giữ một vị trí quan trọng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ ra rằng tác động của FDI đến yếu tố công nghệ của nước ta còn thấp, từ đó chưa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế VN theo chiều sâu.

Thứ hai, một vấn đề cũng không kém phần quan trọng là mặc dù FDI đã có những đóng góp đáng kể cho hoạt động xuất khẩu cũng như cải thiện cán cân thương mại cho VN, nhưng ngược lại thì việc nhập khẩu của khu vực này cũng ngày càng gia tăng, thậm chí với tốc độ còn lớn hơn sự tăng về xuất khẩu. Điều đó cho thấy các doanh nghiệp FDI chưa tận dụng được các nguồn lực trong nước để phục vụ cho xuất khẩu, từ đó làm giảm năng lực sản xuất trong nước, và tác động đáng kể đến sự tăng trưởng kinh tế của nước ta trong dài hạn.

Cuối cùng, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI hoạt động tại VN đã và đang gây ra những ảnh hưởng nhất định đến môi trường của nước ta. Nhiều doanh nghiệp FDI đã có những hành vi tiêu cực làm suy thoái môi trường sống xung quanh như

VEDAN, MIWON,... Từ đó tác động xấu đến sự tăng trưởng kinh tế đất nước, và rộng hơn là ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình tăng trưởng bền vững của nước ta. Do đó, yếu tố môi trường đang ngày càng được các cơ quan nhà nước xem xét và coi là tiêu chí quan trọng để chọn lựa thu hút đầu tư vào VN.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

4.1. Tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế

FDI có tác động tích cực đến tất cả các biến có mặt trong mô hình. Đặc biệt, FDI tác động mạnh tăng trưởng kinh tế (GDP), tổng vốn đầu tư (CAPITAL) và trình độ công nghệ (TECH). Tuy nhiên, cũng có những biến số mà tác động tích cực của FDI vẫn chưa thể hiện rõ bao gồm chất lượng nhân lực (EDU), lực lượng lao động (LABOR), và hoạt động xuất khẩu (EX). Có thể thấy để nâng cao tác động tích cực của FDI tới tăng trưởng, thì việc nâng cao tác động tích cực của FDI tới các nhân tố như tổng vốn đầu tư, công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực, lực lượng lao động, xuất khẩu là rất quan trọng.

Thứ nhất, để nâng cao tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế, VN cần cải thiện tình hình bất ổn kinh tế vĩ mô hiện tại mà nổi cộm nhất là tình hình lạm phát tăng cao, nợ xấu, hàng tồn kho lớn, gây ứ đọng một lượng lớn giá trị tài sản trong các doanh nghiệp mà không lưu thông, ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế nước ta.

Thứ hai, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nhằm nâng cao đóng góp của FDI nói riêng và vốn của các khu vực kinh tế nói chung vào tổng nguồn vốn phục vụ tăng trưởng kinh tế VN.

Thứ ba, với tác động lan toả của các dự án FDI, Nhà nước cần hướng và khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tập trung vào các ngành công nghệ cao như công nghệ thông tin, điện tử viễn thông v.v.. Đồng thời, Nhà nước cũng có biện pháp cụ thể nhằm nâng cao năng lực sản xuất của VN về các thiết bị, mặt hàng công nghệ, vừa là để nâng cao trình độ công nghệ trong nước, vừa là gia tăng giá trị đóng góp của khu vực FDI vào GDP nước ta. Bên cạnh đó, cần định hướng FDI vào những ngành thế mạnh xuất khẩu của VN như hàng nông sản, dệt may, giày da, khai thác tài nguyên v.v.. Như vậy, vừa nhằm nâng cao năng suất lao động của những ngành này do khả năng áp dụng công nghệ tiên tiến của doanh nghiệp FDI là rất cao, vừa mở rộng hoạt động xuất khẩu của khu vực nước ngoài, vừa cùng tương tác hỗ trợ các doanh nghiệp VN xuất khẩu nhiều hơn.

Thứ tư, đầu tư đẩy mạnh khâu giáo dục đào tạo, có định hướng rõ ràng về các nguồn tri thức mũi nhọn trong các ngành công nghệ cao, các ngành áp dụng những kỹ năng kinh doanh, quản lý tiên tiến như tài chính - ngân hàng, quản trị khách sạn và du lịch,... vừa

để thu hút FDI vào VN, vừa để đẩy mạnh quá trình tuyển dụng đội ngũ lao động VN tri thức này của khu vực FDI, từ đó thúc đẩy được khâu đào tạo lao động tại chỗ của các doanh nghiệp VN, cũng như hiệu ứng khuếch tán chất lượng nhân lực của FDI cho nước ta.

Thứ năm, để cải thiện cán cân thương mại của khu vực FDI, cũng như của toàn bộ nền kinh tế, cần hướng nguồn lực của nền kinh tế vào những ngành công nghiệp phụ trợ, những ngành sản xuất nguyên vật liệu đầu vào phục vụ hoạt động xuất khẩu của VN. Như vậy, vừa có thể hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp đầu vào, vừa giảm chi phí cho các doanh nghiệp xuất khẩu từ đó thúc đẩy các doanh nghiệp này xuất khẩu nhiều hơn, mà lại giảm được giá trị nhập khẩu và cải thiện cán cân thương mại, cán cân thanh toán cho nước ta, góp phần vào tăng trưởng kinh tế VN.

4.2. Tác động của các biến đến FDI

Trong các nhân tố tác động đến dòng vốn FDI vào VN, giá trị FDI kì trước có ý nghĩa quyết định hơn cả. Từ đó, để thu hút FDI nhiều hơn, nước ta cần đặc biệt quan tâm đến việc ổn định thị trường, hoàn thiện hành lang pháp lí, đơn giản hóa thủ tục đầu tư để tạo động lực cho các nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm cơ hội đầu tư tại VN, và nâng cao dòng vốn FDI đổ vào đây.

Bên cạnh tác động của giá trị đầu tư trực tiếp nước ngoài kì trước, tổng vốn đầu tư, tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, lực lượng lao động, chất lượng nhân lực và trình độ công nghệ có tác động thấp hơn đến dòng vốn FDI vào VN. Trong đó, để nâng cao tác động của tăng trưởng kinh tế đến FDI cần có chính sách sử dụng nguồn thu nhập có được từ tăng trưởng kinh tế để đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, và trình độ công nghệ trong nước, từ đó mới có tác động kết hợp thu hút FDI vào VN. Không chỉ có vậy, việc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của VN thông qua việc định hướng FDI vào những ngành xuất khẩu chủ lực của ta, và nâng cao tổng vốn đầu tư cả trong và ngoài nước nhờ cải thiện môi trường đầu tư, hoàn thiện cơ sở pháp lí, như vừa nêu trên, càng phải được chú trọng.

Tóm lại, bài nghiên cứu thông qua kiểm nghiệm bằng mô hình VAR và các lập luận đã chứng minh được tồn tại tác động qua lại giữa FDI và tăng trưởng kinh tế tại VN. Từ đó, nhóm tác giả đã đưa ra những kiến nghị về mặt chính sách một cách trực quan, và mang tính thời sự, góp phần hoàn thiện cơ chế quản lí của nước ta về FDI, cũng như nâng cao tác động qua lại giữa FDI và tăng trưởng kinh tế VN■

Ghi chú

- [1] Do giới hạn của bài báo, nên kết quả của các kiểm định về tính ổn định của mô hình không được thể hiện trong bài.
- [2] Các tác giả sẵn lòng cung cấp các kết quả đó nếu bạn đọc yêu cầu.
- [3] Do số liệu mà Tổng cục Thống kê cung cấp không đầy đủ nên phần này, nhóm tác giả phân tích đến năm 2011.
- [4] Số liệu từ năm 2010 trở đi được nhóm tác giả ước lượng dựa trên quy luật biến động trong quá khứ.
- [5] Số liệu thu thập từ trung tâm Internet VN thuộc Bộ Thông tin & Truyền thông

Tài liệu tham khảo

- Alfaro, L., Chanda, A., Kalemli-Özcan, Ş., & Sayek, S. (2003), *FDI Spillovers, Financial Markets, and Economic Development*, IMF Working Paper, WP/03/186.
- Carp, L. (2012), *Analysis of the Relationship between FDI and Economic Growth*, Literature Review study, The USV Annals of Economics and Public Administration, 12, 154–160.
- Johnson, A. (2005), *The Effect of FDI Inflows on Host Country Economic Growth*, The Royal Institute of Technology, Centre of Excellence for Studies in Science and Innovation.
- Meyer, K. & Nguyen, H.V. (2005), “Foreign Investment Strategies and Sub-National Institutions in Emerging Markets: Evidence from Vietnam”, *Journal of Management Studies*, Vol. 42(1), 63–93.
- Mirza, H. & Giroud, A. (2004), “Regional Integration and Benefits from Foreign Direct Investment in ASEAN Economies: The Case of Viet Nam”, *Asian Development Review*, Asian Development Bank, Vol.21, 68-99.
- Mitra, Pritha, (2007), “Has Public Investment Crowded in or Crowded out Private Investment in Vietnam”, *IMF's Country Report: Viet Nam*, Selected issues, 46-62.
- Nguyen, P.L. & Sajid A. (2010), “Foreign Direct Investment and Economic Growth in Vietnam”, *Asia Pacific Business Review*, 16, 183–202.
- Nguyễn Thị Tuệ Anh, Vũ Xuân Nguyệt Hồng, Trần Toàn Thắng, & Nguyễn Mạnh Hải (2006), *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế VN*, Dự án SIDA 2001 - 2010 của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương - CIEM.
- Nguyen N. A. & Nguyen T. (2007), “FDI in Viet Nam: An Overview and Analysis of the Determinants of Spatial Distribution across Provinces”, *MPRA Paper* No. 1921, posted 07.
- Nguyen N. B. & Haughton J., (2002), “Trade Liberalisation and Foreign Direct Investment in Vietnam”, *ASEAN Economic Bulletin*, Vol. 19, No.3, 302-318.

- Nguyen Phi Lan (2006), *FDI and Its Linkage to Economic Growth in Vietnam: A Provincial Level Analysis*, Working paper, Centre for Regulation and Market Analysis, University of South Australia.
- Ray, S. (2012), "Impact of Foreign Direct Investment on Economic Growth in India: A Cointegration Analysis", *Advances in Information Technology and Management*, 2, 187–201.
- Shan, J. (2002), "A VAR Approach to the Economics of FDI in China", *Applied Economics*, 34, 885–893.
- Steve Parker, Vinh Quang Phan, and Ngoc Anh Nguyen, "Has the U.S.-Vietnam Bilateral Trade Agreement Led to Higher FDI into Vietnam?", *International Journal of Applied Economics*, 2.2, 199-223.
- Toulaboe, D., Terry, R., & Johansen, T. (2009), "Foreign Direct Investment and Economic Growth in Developing Countries", *Southwestern Economic Review*, 26, 155–170.
- Tran Q.T. (2009), "Sudden Surge in FDI and Infrastructure Bottlenecks: The Case in Vietnam", *ASEAN Economic Bulletin*, 26, 58–76.
- Takagi, S. & Phạm Thị Hoàng Anh (2011), "Dynamics Interaction between Foreign and Domestic Investment in Vietnam", *Vietnam Economic Management Review*, Volume 6, No.2-2011.
- Websites: www.imf.org, www.gso.gov.vn, www.sbv.gov.vn, www.fia.mpi.gov.vn, www.vnnic.vn